

# HẠNH PHÚC VĨNH HẰNG

Trước hết, xin nói rằng: sự khổ của con người do *phiền não* mà ra. Đây là phát hiện lớn, sâu sắc, hệ trọng và thấm đẫm tính nhân bản trong triết lý Phật. Nhờ sự phát hiện vĩ đại này mà pháp Phật mang tính hiệu quả rất cao trong trị liệu.

Loài người trầm luân trong bể khổ. Khi nói như thế, có nghĩa: bất kỳ tôn giáo nào, bất kỳ đảng phái chính trị nào ... phàm là con người thì ắt phải chịu khổ. Sự khổ không chừa một ai ( trước khi có pháp Phật ). Đây là căn bệnh trầm kha của loài người.

Căn bệnh này vốn không có thuốc trị – trước khi có pháp Phật.

Còn gì sung sướng hơn, còn gì hạnh phúc hơn – khi sống giữa cuộc đời này – mà tiêu trừ được sự khổ ? Vì vậy, khi nói rằng: đạo Phật phủ chụp lên toàn bộ đời sống xã hội loài người bằng “ánh mắt bi quan” – đó là cách nói của người chưa hiểu về đạo Phật.

Trị khổ, mang hạnh phúc đến – tính nhân văn trở thành lập lánh, rất mực sâu sắc trong triết lý nhà Phật. Trị khổ, mang hạnh phúc đến – trở thành tính thực tiễn sâu sắc trong triết lý nhà Phật. Trị khổ, mang hạnh phúc đến – trở thành giá trị “vàng”, vàng thật, không phải chỉ có bốn số chín ( 99,99 ) mà là số 100 – trong triết lý nhà Phật.

Nhân tiện đây cũng xin nói lại và nói rất rõ rằng: khi sử dụng pháp Phật – để trị khổ ( *phiền não* ), nếu như không dần trừ trong an lạc là bởi “còn có gì đó” thuộc *Hữu Vi*.

Như đã đề cập: trong kinh “Duy Ma Cật” đặt vấn đề rất rõ, rất thẳng thắn: *Hữu Vi* hay không *Hữu Vi*. Có nghĩa: mỗi người – được toàn quyền tự do chọn lấy một – *Hữu Vi* hoặc không *Hữu Vi*. Một khi là không *Hữu Vi*, thì nên chọn *Vô Vi* ( nếu như có điều kiện tốt như vậy mà không chọn *Vô Vi* thì thật là quá lãng phí cuộc sống ). Tại sao chỉ là một – không thể là hai ( nửa này nửa nọ ) ? Có một câu nói của Tây phương rất hay: “Nếu nửa ổ bánh mì thì đó là nửa ổ bánh mì ; nếu chỉ là nửa sự thật thì đó không phải là sự thật”. Cho nên, nếu chỉ có một nửa *Vô Vi* thôi – sao có thể xem đó là *Vô Vi* ? Vì là một nửa *Vô Vi* nên chưa thể tiêu trừ hết sự khổ.

Nhân tiện đây cũng xin nói thêm và nói rất rõ rằng: *Hữu Vi* là “muôn hình vạn trạng” với muôn vàn các kích cỡ lớn, bé: có khi đó chỉ là *thầy*, là *bà*, là *môn phái*, là *hội*, là *đảng phái chính trị* .... Tất cả những loại này đều là những *tôn giáo thật sự*. Liệu rằng có hồ đồ không – khi cho: *thầy*, *bà*, *môn phái*, *hội*, *đảng phái chính*

*trì* ....đều là những *tôn giáo thật sự* ? Bấy lâu nay, người ta đưa ra một số “tiêu chí” để kết luận đó là tôn giáo hay tín ngưỡng ( thực ra “*tín ngưỡng*” cũng chỉ là cách gọi, về tính chất, *tín ngưỡng* ấy cũng là một tôn giáo ). Những tiêu chí thiết yếu để kết luận đó là tôn giáo hay không gồm: *giới luật, giáo điều, kinh* ... Xét ở nghĩa rộng: ngay cả khi đó chỉ là một *thầy* hoặc một *bà* thôi – thì *giới luật* của họ cũng đã là “đầy đủ”: cấm điều này, kỵ điều nọ ... chẳng hạn như: cấm ăn thịt chó, không ăn thịt thối trâu ... thậm chí cấm đi qua những những sợi giây giăng ngang đã từng phơi quần áo ! *Giáo điều* của họ đại khái là: nếu như làm đúng thế này, thế khác ... thì, *thầy* hoặc *bà* sẽ *ban cho* điều nọ, điều kia ... Còn *kinh* của họ là những lời vái ( xin này, xin nọ ), câu khẩn ( cầu điều này, điều khác ) ...

Ngoài ra, điều không nằm trong các tiêu chí được đề cập, lại là điều cốt lõi nhất, đó là: tất cả đều bị chi phối, tác động và ảnh hưởng bởi các hoạt động thuộc dạng *năng lực tâm linh* như là một tôn giáo, không hề khác. Cho nên, có thể xem: *thầy, bà, môn phái, hội, đảng phái chính trị* .... là một tôn giáo.

Từ tôn giáo “bé xíu” cho đến tôn giáo “to đùng” – thuộc dạng: có duy nhất một người tối thượng với quyền uy tối cao – tất cả những tôn giáo ấy đều có chung một tên gọi, có chung một khái niệm và tất cả nằm trong một phạm trù mang tên là: *Hữu Vi* ( xem thêm ở phần chú giải kinh: Kim Cương Bát Nhã Ba-La-Mật-Đa ).

oOo

Trong phần mở đầu kinh này, đức Thế Tôn dạy rằng:

*“Này các Tỷ-kheo, do không như lý tác ý, các lậu hoặc chưa sanh được sanh khởi, và các lậu hoặc đã sanh được tăng trưởng. Này các Tỷ-kheo, do như lý tác ý, các lậu hoặc chưa sanh không sanh khởi, và các lậu hoặc đã sanh được trừ diệt”.*

Như vậy, *phiền não* xuất hiện ( *sanh khởi* ) là do: *không như lý tác ý* và, *phiền não* phát triển ( *tăng trưởng* ) cũng là do *không như lý tác ý*.

Vậy, *không như lý tác ý* là gì ?

*Tác ý*, trong tự điển, có nghĩa: tập trung tâm ý, ngăn ngừa tâm tán loạn ( *Tự điển Đạo Uyển* ).

( *Cái* ) *lý của tác ý* đó là: Tập trung tâm ý ( cao độ ) để ngăn ngừa sự tán loạn ( vốn là thuộc tính ) của tâm.

*Không như lý tác ý*:

Không tập trung tâm ý ( cao độ ) để ngăn ngừa sự tán loạn ( vốn là thuộc tính ) của tâm.

Vì không tập trung tâm ý ( cao độ ) để ngăn ngừa sự tán loạn ( vốn là thuộc tính ) của tâm – nên: *phiền não* xuất hiện ( *sinh khởi* ) và *phiền não* phát triển ( *tăng trưởng* ).

Đây là bài thuốc trị phiền não của Như Lai.

Nên chú ý rằng: đây mới chỉ là về lý thuyết chung nhất – còn “vị” thuốc cụ thể để “uống” hàng ngày, như đã đề cập: nên dành những khoảng thời gian nhất định trong ngày tụng ( hoặc niệm ): “Tâm Kinh Bát Nhã Ba-La-Mật-Đa” và hai bài kệ ngắn trong kinh: “Kim Cương Bát Nhã Ba-La-Mật-Đa” ( xem ở phần Pháp Thí ). Một khi hành trì như vậy – không thể không dần dần trú trong an lạc.

Trở lại trong kinh:

“*Này các Tỷ-kheo, do như lý tác ý, các lậu hoặc chưa sanh không sanh khởi, và các lậu hoặc đã sanh được trừ diệt*”.

Đến đây đã rõ:

Vì ( *như lý tác ý* ), tập trung tâm ý ( cao độ ) để ngăn ngừa sự tán loạn ( vốn là thuộc tính ) của tâm – nên ngăn ngừa *phiền não* xuất hiện ( *sinh khởi* ) và không cho *phiền não* phát triển ( *tăng trưởng* ) rồi từ đó tiêu trừ *phiền não*.

Đức Thế Tôn dạy rằng: có nhiều cách diệt trừ phiền não, đó là: dùng *tri kiến*, dùng *phòng hộ*, dùng *thọ dụng*, dùng *kham nhẫn*, dùng *tránh né*, dùng trừ diệt hoặc dùng tu tập để đoạn trừ *phiền não*.

Với ai thì dùng tri kiến ?

Với những ai chưa nắm bắt được: khi nào cần và khi nào không cần phải tập trung tâm ý cao độ để ngăn ngừa sự tán loạn của tâm. Khi nào thì cần ? Đó là khi làm việc, học hành, tụng niệm ... Khi nào không cần ? Đó là lúc ngưng làm việc, ngưng học hành, ngưng tụng niệm ...

Thí dụ, một học sinh đang học bài, cần phải loại trừ những giòng suy nghĩ vớ vẩn, vu vơ ...

Thí dụ khác, một người đang tụng niệm cần phải tập trung vào câu kinh, lời kệ để loại trừ sự tán loạn của tâm. Thường có ba cách để tập trung trong lúc tụng, niệm: quán âm: nghe giọng đọc – nếu có điều kiện đọc thành tiếng. Trong trường hợp đọc thành tiếng gây phiền hà cho người khác thì đọc thầm trong đầu – khi đó dùng quán hình: thấy câu chữ hoặc môi đang nhép. Hoặc có thể quán nghĩa: theo dõi nghĩa của câu kinh đọc.

Trong kinh, Như Lai đã lấy ví dụ rất thú vị: một người vì *không như lý tác ý* nên trong đầu cứ phát triển dần những điều gây *phiền não*:

"Có mặt trong thời quá khứ, hay ta không có mặt trong thời quá khứ? Có mặt trong thời quá khứ như thế nào? Có mặt trong thời quá khứ hình vóc như thế nào? Trước kia ta-là gì và ta đã có mặt như thế nào trong thời quá khứ? Ta sẽ có mặt trong thời vị lai hay ta sẽ không có mặt trong thời vị lai? Ta sẽ có mặt trong thời vị lai như thế nào? Ta sẽ có mặt trong thời vị lai, hình vóc như thế nào? Trước kia ta-là gì và ta sẽ có mặt như thế nào trong thời vị lai?" Hay nay vị ấy có nghi ngờ về mình trong thời hiện tại: "Có mặt hay ta không có mặt? Có mặt như thế nào? Có mặt hình vóc như thế nào? Chúng sanh này từ đâu đến? Và rồi nó sẽ đi đâu?"

Đức Phật cho hay: Không chỉ dừng lại tác hại là gây *phiền não* – mà còn dẫn đến một hệ lụy “khủng khiếp” :

“Với người không như lý tác ý như vậy, một trong sáu tà kiến này khởi lên: "Có tự ngã", tà kiến này khởi lên với người ấy như thật, như chơn; "Ta không có tự ngã", tà kiến này khởi lên với người ấy như thật như chơn; "Do tự mình, ta tưởng tri có tự ngã", tà kiến này khởi lên với người ấy như thật, như chơn; "Do tự mình, ta tưởng tri ta không có tự ngã", tà kiến này khởi lên với người ấy như thật, như chơn. "Không do tự mình, ta tưởng tri có tự ngã", tà kiến này khởi lên với người ấy như thật, như chơn; hay tà kiến này khởi lên với người ấy: "Chính tự ngã của ta nói, cảm giác, hưởng thọ quả báo các nghiệp thiện ác đã làm chỗ này, chỗ kia, chính tự ngã ấy của ta-là thường trú, thường hằng, hằng tồn, không chuyển biến, và sẽ vĩnh viễn tồn tại". Đây các Tỷ-kheo, như vậy gọi là tà kiến, kiến trừu lam, kiến hoang vu, kiến hý luận, kiến tranh chấp, kiến kiết phược”.

*Hữu kiến* hoặc *Vô kiến* đều là *tà kiến*. Tức sự *chấp có* và *chấp không* đều là sai, đều là *tà kiến* – đều không đúng với cái lý của trung đạo ( xin xem thêm về triết lý Trung đạo, trong mục triết lý Phật ). Và cái sai này sẽ dẫn đến một hệ lụy “khủng khiếp” là: như một người bị chứng bệnh hoang tưởng: những thứ tưởng tượng ra ấy một mặt vừa mang tính chủ quan ( *tự ngã* ), mặt khác – định ninh rằng: sự tưởng tượng ra ấy là: *thường trú, thường hằng, hằng tồn, không chuyển biến, và sẽ vĩnh viễn tồn tại*. Việc này, để lâu, trở thành chứng bệnh rất khó chữa trị.

Cho nên, khi mới vừa chớm đắm mình trong mộng tưởng, phải biết *tác ý* không cho những *mộng tưởng* *điên đảo* hình thành.

Với ai thì dùng *phòng hộ* ( cảnh giác, che chắn, bảo vệ ) ? Với mọi người. Trong kinh, ý đức Thế Tôn dạy rằng: việc ( cảnh giác ) bảo vệ cho tâm không tán loạn – tựa như việc bảo vệ con người của mắt mình – vừa thoáng chợt thấy vật bay, đã vội chớp mắt. Cho nên, vừa thoáng nhận ra *dục lậu* ( *phiền não do tham, sân, si* ) nổi

lên, ngay lập tức phải *tác ý* ( tập trung tâm ý để ngăn ngừa ) không cho cái *tham, sân, si* có điều kiện hình thành và tăng trưởng trong đầu.

Thế nhưng, cảnh giác, che chắn, bảo vệ cụ thể cái gì ? Đó là sự cảnh giác, che chắn, bảo vệ: *mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý* ( *tâm ý* ). Trong kinh: “Lời dạy cuối cùng”, đức Thế Tôn căn dặn rằng:

*“Này các đệ tử, các vị phải chế ngự năm giác quan không để chúng dong ruổi theo trần cảnh, dục lạc (...) Nạn khổ của giặc cướp chỉ có một đời, trong khi nạn giặc giác quan làm chúng sanh đau khổ nhiều kiếp. Tai họa của nó vô cùng nguy hiểm. Các vị phải cẩn thận.*

*Thế nên, người có trí cần phải chế ngự các giác quan chứ không phục tùng nó; giữ gìn chúng như là canh chừng giặc cướp, không để chúng hoành hành, thao túng.*

*Này các đệ tử, trong các giác quan của con người, ý là quan trọng nhất. Các vị phải thận trọng chế ngự tâm ý mình. Tâm ý rất đáng sợ, nguy hiểm còn hơn thú dữ, rắn độc, thậm chí nguy hại hơn cả nạn hỏa hoạn”.*

Cho nên, trước bất kỳ một hoàn cảnh, sự việc, sự kiện ... nào. Người có được sự *phòng hộ* ( cảnh giác, bảo vệ ) luôn phải nhận ra được tâm ý của mình là thế nào để chế ngự.

Ví dụ: Bạn A đến nhà bạn B chơi, bạn B đi vắng, cửa cái khóa chặt, tuy vậy, cửa sổ lại quên chốt, chỉ khép hờ. Cạnh cửa sổ là cái bàn. Trên bàn là chiếc điện thoại mới “cáu”. Bạn A, lấy chiếc điện thoại bỏ túi – với tâm ý là: sẽ trả lại bạn B. Nếu không bỏ túi chiếc điện thoại ấy, nhờ có người đi qua, sẽ lấy mất.

*Tâm ý* của bạn A như vậy là tốt. Song, bạn A có giữ được tâm ý tốt ấy – chờ cho đến mãi tận ngày hôm sau, bạn B mới về – để trả lại không ? Đó là việc *phòng hộ* như thế nào ; *tác ý* như thế nào để không cho lòng tham trỗi dậy.

*Thế nào là các lậu hoặc phải do thọ dụng ( để ) được đoạn trừ ?*

Trong kinh, đức Phật dạy rằng:

*“Có Tỷ-kheo như lý giác sát, thọ dụng y phục, chỉ để ngăn ngừa lạnh, ngăn ngừa nóng, ngăn ngừa sự xúc phạm của ruồi, muỗi, gió, sức nóng mặt trời, các loài bò sát, chỉ với mục đích che đậy sự trần truồng.*

*Vị ấy như lý giác sát, thọ dụng món ăn khát thực không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, mà chỉ để thân này được sống lâu và được bảo dưỡng, để (thân này) khỏi bị thương hại, để hỗ trợ phạm hạnh ( ... )*

*Nếu vị ấy thọ dụng như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy không còn nữa. Này các Tỷ-kheo, các pháp ấy được gọi là các lậu hoặc phải do thọ dụng được đoạn trừ”.*

Giác sát, nghĩa là: sự thấu hiểu thâm sâu ( tựa như sự ngộ ). Vì có được cái lý giác sát, vị tỷ kheo ấy đã thọ dụng y phục, ăn uống ... như là phương tiện để có được sức khỏe nhằm phục vụ cho hành trì tu tập. .. Vì nhu cầu là tối giản ( cực thấp ), nên vị tỷ kheo ấy đã dễ dàng trong việc ngăn chặn sự tán loạn của tâm, dễ dàng trong việc tiêu trừ phiền não.

*Thế nào là các lậu hoặc phải do kham nhẫn ( đễ ) được đoạn trừ ?*

*“Có Tỷ-kheo như lý giác sát, kham nhẫn lạnh, nóng, đói, khát, sự xúc phạm của ruồi, muỗi, gió, sức nóng mặt trời, các loài bò sát; kham nhẫn những cách nói mạ lỵ, phỉ báng.*

*Vị ấy có tánh kham nhẫn các cảm thọ về thân, những cảm thọ thống khổ, khốc liệt, đau nhói, nhức nhói, không sung sướng, không thích thú, chết đuối người.*

*(...) Nếu vị ấy kham nhẫn như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy không còn nữa. Ngược lại, nếu vị ấy không kham nhẫn như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não có thể khởi lên*

*Này các Tỷ-kheo, các pháp ấy được gọi là các lậu hoặc phải do kham nhẫn được đoạn trừ”.*

Kham nhẫn ( nhịn nhục, chịu đựng ... ), đó là một trong những hạnh mà yêu cầu phải có được nơi Bồ Tát. Với đức tính kham nhẫn, trong kinh: “Lời dạy cuối cùng” đức thế tôn dạy rằng:

*“Người nào chưa có thể chịu đựng sự nhục mạ một cách hoan hỷ, như uống cam lộ, thì chưa thể xứng danh là người vào đạo có trí”. Không có được đức tính này thì sân hận mau chóng nổi lên. Trong kinh đức Phật nói: “Sự sân hận sẽ thiêu hủy tất cả pháp lành, nó nguy hiểm hơn lửa dữ. Các vị phải canh phòng cẩn mật, đừng cho sân hận xâm nhập. Trong các loại giặc cướp công đức thì sân hận là nguy hiểm bậc nhất”.*

Khi sân hận xuất hiện, phiền não cũng nổi lên, sự phiền não này sẽ thật là ghê gớm.

*Thế nào là các lậu hoặc phải do tránh né ( đễ ) được đoạn trừ ?*

*“Có Tỷ-kheo như lý giác sát tránh né voi dữ, tránh né ngựa dữ, tránh né bò dữ, tránh né chó dữ, rắn, khúc cây, gai góc, hố sâu, vực núi, ao nước nhớp, vũng nước. Có những chỗ ngồi không xứng đáng ngồi, những trú xứ không nên lai vãng, những bạn bè ác độc mà nếu giao du thì bị các vị đồng phạm hạnh có trí nghi ngờ, khinh thường; vị ấy như lý giác sát tránh né chỗ ngồi không xứng đáng ấy, trú xứ không nên lai vãng ấy và ( tránh né ) các bạn độc ác ấy.*

Này các Tỷ-kheo, nếu vị ấy không tránh né như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy có thể khởi lên. Nếu vị ấy tránh né như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy không còn nữa.

Này các Tỷ-kheo, các pháp ấy được gọi là các lậu hoặc phải do tránh né được đoạn trừ”.

Thế nào là các lậu hoặc phải do trừ diệt ( đễ ) được đoạn trừ ?

“Có Tỷ-kheo như lý giác sát không có chấp nhận dục niệm đã khởi lên, từ bỏ, trừ diệt, diệt tận, không cho tồn tại ( dục niệm ấy ); không có chấp nhận sân niệm đã khởi lên, từ bỏ, trừ diệt, diệt tận, không cho tồn tại ( sân niệm ấy ); không có chấp nhận hại niệm đã khởi lên, từ bỏ, trừ diệt, diệt tận, không cho tồn tại ( hại niệm ấy ); không chấp nhận các ác bất thiện pháp luôn luôn khởi lên, từ bỏ, trừ diệt, diệt tận, không cho tồn tại ( các ác bất thiện pháp ấy ).

Này các Tỷ-kheo, nếu vị ấy không trừ diệt như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy có thể khởi lên. Nếu vị ấy trừ diệt như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy không còn nữa.

Này các Tỷ-kheo, các pháp ấy được gọi là các lậu hoặc phải do trừ diệt được đoạn diệt”.

Ở đây, yêu cầu là: ngay từ khi những: dục, sân, hại, cái ác vừa chớm khởi niệm, ngay lập tức phải tìm cách trừ diệt – để những mầm mống ấy không có cơ phát triển.

Tiêu diệt cái ác, cái bất thiện ... lập tức cái thiện sẽ xuất hiện, sẽ “mỉm cười”, khi đó giặc phiền não không có cơ để tồn tại.

Thế nào là các lậu hoặc phải do tu tập ( đễ ) được đoạn trừ ?

“Có Tỷ-kheo như lý giác sát tu tập niệm giác chi, niệm giác chi này y viễn ly, y ly tham, y đoạn diệt, hướng đến từ bỏ; như lý giác sát tu tập trạch pháp giác chi... ( như trên )... tu tập tinh tấn giác chi... tu tập hỷ giác chi... tu tập khinh an giác chi... tu tập định giác chi... tu tập xả giác chi; xả giác chi này y viễn ly, y ly tham, y đoạn diệt, hướng đến từ bỏ.

Này các Tỷ-kheo, nếu vị ấy không tu tập như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy có thể khởi lên.

Nếu vị ấy tu tập như vậy, các lậu hoặc tàn hại và nhiệt não ấy không còn nữa.

Này các Tỷ-kheo, các pháp ấy được gọi là các lậu hoặc phải do tu tập được đoạn trừ”.

Niệm giác chi: đó là giác chi thứ năm trong bảy ( thất ) giác chi, gồm:

1. Trạch pháp giác chi: dharmapracicaya - sự sáng suốt phân biệt Chánh pháp và tà pháp, chọn lựa đúng giáo pháp chân chánh để hành trì
2. Tinh tấn giác chi: vyrya - sự sáng suốt biết tinh tấn, chuyên cần tu học Chánh pháp
3. Hỷ giác chi: pryti - sự sáng suốt biết vui sướng, hoan hỷ khi được Chánh pháp
4. Khinh an giác chi: prasabdhi - sự sáng suốt thanh thân nhẹ nhàng, trừ bỏ mọi chướng ngại trên đường tu tập),
5. Niệm giác chi: smṛti - sự sáng suốt thường niệm tưởng Chánh pháp, Tam bảo
6. Định giác chi: samdhi - sự sáng suốt an trú trong chánh định, không tán loạn tâm ý
7. Xả giác chi: upekṣ - sự sáng suốt buông bỏ mọi vướng mắc trong tâm thức .  
( Theo tự điển: *Rộng mở tâm hồn* )

Vì có được sự *sáng suốt thường niệm tưởng Chánh pháp, Tam bảo*, nên vĩnh viễn xa rời, tiêu trừ được *tham* ( cả *sân, si* ) và tu tập được cả bảy ( thất ) giác chi. Nhờ tu tập như vậy mà đoạn diệt, tiêu trừ vĩnh viễn *phiền não*.

Kinh “Tất Cả Các Lộ Hoặc” trong bộ Kinh Trung Bộ, đã đề cập đến vấn đề thiết thực nhất đối với loài người, đó là: việc tiêu trừ vĩnh viễn sự khổ. Một khi tiêu trừ vĩnh viễn sự khổ – cũng có nghĩa mang đến hạnh phúc vĩnh hằng. Hạnh phúc có được này – không ở đâu xa – nó có mặt, nó tồn tại – ngay trong cuộc đời này. Đó là những vị Bồ Tát đã thực sự đạt đạo quả A-La-Hán vậy.

( *Trích từ: “Kinh Trung Bộ Chú giải” – Tập một – Kinh: “Tất Cả Các Lộ Hoặc”* )